TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 29-6-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **HÀ THANH KHIẾT**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGÔ ĐỨC KỲ**

2. Ông **VÕ TẤN LIÊM**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỒ VĂN MIL** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim D** – sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Nguyễn Quy, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn T** – sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Tân Hòa, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa chị **Nguyễn Kim D** trình bày:

Về Hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T kết hôn vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, từ năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là anh T không lo chí thú làm ăn, không còn lo lắng cho vợ con và thường hay nhậu nhẹt, khi về nhà thì kiếm chuyện gây gỗ đánh đập vợ con. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Do đó đến cuối năm 2010 vợ chồng chị đã ly thân với nhau cho đến nay và chị cùng với con trai là Phan Văn M, sinh năm 2002 về nhà mẹ ruột của chị tại ấp Nguyễn Quy sinh sống cho đến nay. Nay chị D xét thấy không thể chung sống với

anh T trong một mái nhà, hôn nhân không hạnh phúc. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Kim D xác định vợ chồng có một con chung tên **Phan Văn M** - sinh năm 2002, hiện tại cháu M đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kim D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Kim D xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Kim D và anh Phan Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Kim D có địa chỉ cư trú tại ấp Nguyễn Quy, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau và ấp Tân Hòa, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim D và anh Phan Văn T chung sống với nhau vào năm 2001, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Nguyễn Kim D có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Nguyễn Kim D đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Phan Văn T đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải cùng với chị Nguyễn Kim D. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phan Văn T và chị Nguyễn Kim D được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phan Văn T. Do chị Nguyễn Kim D và anh Phan Văn T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Kim D và anh Phan Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Kim D xác định anh, chị có một con chung tên Phan Văn M - sinh năm 2002, khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Do cháu M sinh năm 2002 đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì phải xem xét nguyện vọng của cháu xem cháu có nguyện vọng sống với ai khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu M có nguyện vọng được sống với mẹ, nguyện vọng của cháu phù hợp với quy định của pháp luật. Nên Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn quy định tại Điều 15 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Phan Văn M, sinh năm 2002 cho chị Nguyễn Kim D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Phan Văn T phải không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kim D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Nguyễn Kim D. Nên Tòa án không xem xét việc chia tài sản chung của chị Nguyễn Kim D và anh Phan Văn T tại vụ án này.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Kim D xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nếu sau này chị D và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì anh T và chị D đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Kim D phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Không công nhận chị **Nguyễn Kim D** và anh **Phan Văn T** là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu **Phan Văn M**, sinh năm 2002 cho chị Nguyễn Kim D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Kim D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Kim D xác định chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nếu sau này chị D và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì anh T và chị D có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Kim D phải nộp 300.000 đồng. Chị Nguyễn Kim D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011044 ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Nguyễn Kim D đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Phòng GĐKT tòa án tỉnh Cà Mau;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP – TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**HÀ THANH KHIẾT**